



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 3823.7288 – 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

BẢN TIN TUẦN IPC

Số 48/21, 22-26/11/2021

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều với Ấn Độ ghi nhận sự gia tăng mạnh.
02. Ấn Độ - Giá Hồ tiêu Ấn Độ tiếp tục tăng trong tuần này do sự gia tăng của nhu cầu và sự đi của đại dịch Covid-19 tại Ấn Độ.
03. Indonesia - Giá tiêu giao dịch nội địa và quốc tế của Indonesia ổn định trong tuần này sau 3 tuần tăng liên tiếp do thị trường ít giao dịch.
04. Malaysia - Giá tiêu Malaysia giảm do sự suy yếu của đồng Ringgit Malaysia so với USD (4,21 MYR/USD), giảm 1%. Giá tiêu quốc tế tiếp tục được giao dịch ổn định trong 3 tuần qua.
05. Sri Lanka - Giá tiêu nội địa Sri Lanka tiếp tục xu hướng tăng trong 6 tuần qua.
06. Việt Nam - Giá tiêu đen nội địa của Việt Nam tiếp tục giảm trong tuần này. Trong khi các loại còn lại ổn định trong 3 tuần qua do thị trường khá trầm lắng.
07. Nhập khẩu Hồ tiêu của Bỉ (2019-2021).

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (22-26/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi	7,096 7,129 7,136 7,141 -	7,125 - 6,501	10% ↑
 Ex-Lampung	3,823 3,819 3,819 3,817 3,817	3,819 - 3,830	0% ↔
 Ex-Kuching	3,590 3,587 3,571 3,567 3,543	3,572 - 3,603	-1% ↓
 Ex- HCM	3,493 3,491 3,490 3,489 3,510	3,494 - 3,528	-1% ↓
 Sri Lanka	5,146 5,140 5,182 5,177 5,171	5,163 - 4,895	5% ↑

GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (22-26/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang	6,489 6,481 6,481 6,478 6,478	6,481 - 6,501	0%
 Ex-Kuching	6,049 6,046 6,018 6,011 5,972	6,019 - 6,072	-1%
 Ex-HCM	5,366 5,362 5,361 5,359 5,360	5,361 - 5,368	0%
 Ex-Hainan	6,150 6,150 6,150 6,150 6,150	6,150 - 6,150	0%

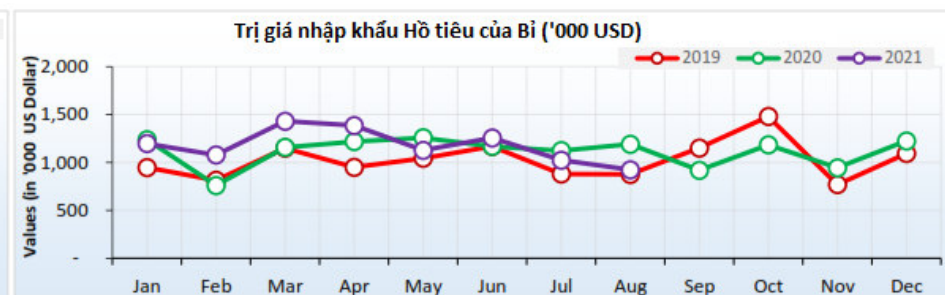
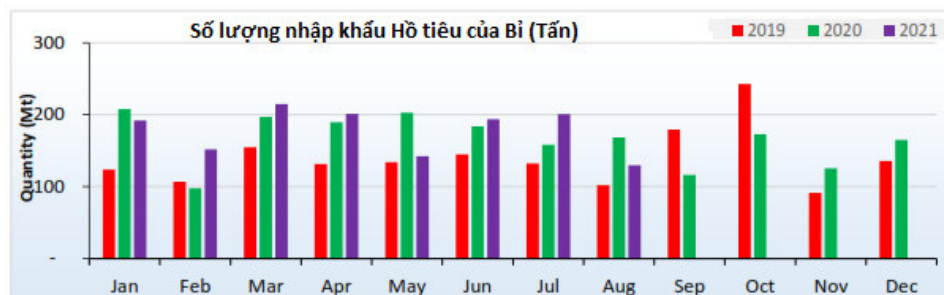
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (22-26/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA	7,365 7,398 7,404 7,409 -	7,394 - 6,770	9%
 Lampung ** ASTA	4,530 4,524 4,524 4,522 4,522	4,524 - 4,538	0%
 Kuching ASTA	5,200 5,200 5,200 5,200 5,200	5,200 - 5,200	0%
 Ho Chi Minh 500g/l	4,290 4,290 4,290 4,290 4,290	4,290 - 4,290	0%
 Ho Chi Minh 550g/l	4,390 4,390 4,390 4,390 4,390	4,390 - 4,390	0%

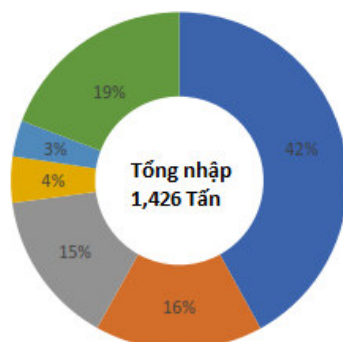
GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (22-26/11)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ	7,468 7,459 7,459 7,455 7,455	7,459 - 7,482	0%
 Kuching ASTA	7,400 7,400 7,400 7,400 7,400	7,400 - 7,400	0%
 Ho Chi Minh FAQ	6,500 6,500 6,500 6,500 6,500	6,500 - 6,500	0%
 Haikou FAQ	6,350 6,350 6,350 6,350 6,350	6,350 - 6,350	0%

NHẬP KHẨU HỒ TIÊU CỦA BỈ



5 Quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu lớn nhất của Bỉ
8 tháng/2021



1 Hà Lan	: 599 Tấn
2 Đức	: 230 Tấn
3 Tây Ban Nha	: 211 Tấn
4 Việt Nam	: 63 Tấn
5 Pháp	: 49 Tấn
6 Khác	: 274 Tấn



**Nhập khẩu Hồ tiêu của Bỉ (2019-2021)**

		<u>2019</u>	<u>2020</u>	<u>2021*</u>
Tổng lượng nhập (tấn)		1,678	1,984	1,426
Tổng trị giá nhập (‘000 \$)		\$12,314	\$13,383	\$9,418
Tỉ lệ (%)	Tiêu hạt	34%	31%	27%
	Tiêu xay	66%	69%	73%
Chênh lệch (%)		n.a	18%	2%
Giá nhập khẩu (USD/tấn)	Tiêu hạt	\$9,420	\$9,470	\$10,731
	Tiêu xay	\$6,265	\$5,518	\$5,082

* Tính đến tháng 8/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	n.a	n.a
Lampung black (ASTA)	n.a	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	n.a	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	n.a	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	n.a	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	n.a	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.39	74.49	14,272	4.21	23,781	201.52
Tuần trước	6.39	74.34	14,229	4.17	23,754	201.91